



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 07141/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2608.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ

Ngày lấy mẫu : 26/07/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.2608.KT1: KT-04: Tháp tạo hạt (Chiều cao: 96,65 mét; đường kính trong: 26 mét)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.2608.KT1
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	67
2	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)
4	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)
5	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	8,7
6	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	23,19
7	Fomaldehyt ^(b)	mg/Nm ³	US EPA (SW-846) 0011	KPH (LOD=0,15)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08230/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3084.KT1
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ**

Ngày lấy mẫu : 30/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.3084.KT1: Ống khói 10SK2001 (KT-03)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.3084.KT1
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	165,2
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	14,4
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	141,3
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08231/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3084.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ

Ngày lấy mẫu : 30/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 25.3084.NT1: Nước thải công nghiệp sau xử lý (Bể BA8)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.3084.NT1
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	30,2
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	8,08
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	6
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	22
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	KPH (LOD=5)
6	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,033
7	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,252
8	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)
9	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)
10	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (LOD=0,5)
11	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	31
12	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,98
13	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (LOD=0,03)
14	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	140

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08232/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3084.NT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐÀM PHÚ MỸ

Ngày lấy mẫu : 30/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 25.3084.NT2: Nước làm mát thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.3084.NT2
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	QTN.03/LAET	3.226
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	29,8
3	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=5)
4	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,56
5	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	10
6	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	38
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	5
8	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)
9	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)
10	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)
11	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)
12	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)
13	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)
14	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,057
15	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)
16	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)
17	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,064
18	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.3084.NT2
19	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)
20	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (LOD=0,02)
21	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,33
22	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (LOD=0,5)
23	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (LOD=1)
24	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,03
25	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,094
26	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	78
27	Crom III (Cr ³⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08233/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3084.NM1
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ** Ngày lấy mẫu : 30/08/2025
Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh Loại mẫu : Nước mặt
Vị trí lấy mẫu : 25.3084.NM1: Nước sông Thị Vải cách điểm xả 100m về phía thượng lưu sông Thị Vải (Sông Thị Vải)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				25.3084.NM1	Giới hạn
1	BOD ₅ ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	12	≤ 6
2	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220B:2023	28	≤ 15
3	Ôxy hòa tan (DO) ^(b)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,4	≥ 5,0
4	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,14	6 ÷ 8,5
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	39	≤ 100
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,070	0,3
7	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,81	1
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2023	0,155	0,05
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,28	-
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,050	-
11	Xyanua ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
12	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
13	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	11.246,5	250
14	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,005
15	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,02



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				25.3084.NM1	Giới hạn
16	Crom VI (Cr^{6+}) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	0,01
17	Tổng Crom (Cr) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,05
18	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
19	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,086	0,5
20	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,1
21	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
22	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,001
23	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,082	0,5
24	Chất hoạt động bề mặt anion ^(b)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	KPH (LOD=0,02)	0,1
25	Aldrin ^(b)	µg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	0,1
26	Dieldrin ^(b)	µg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	0,1
27	Tổng DDTs (1,1'- (2,2,2- Trichloroethane-1,1- diyl) bis (4- chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$) ^(b)	µg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	1,0
28	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ^(b)	µg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	0,2
29	(γ-HCH) (Lindan) (Benzene hexachloride) ^(b)	µg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,006)	0,02
30	Tổng Phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,001)	0,005
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,01)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(b)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,03)	1
33	Coliform ^(b)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	45	≤ 5.000

GIÁ TP.HỒ
NG TÂM
NG NGH
TRƯỞNG VÀ



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				25.3084.NM1	Giới hạn
34	E.coli ^(b)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=2)	20
35	Tổng dầu mỡ ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	5
36	Tổng cacbon hữu cơ (TOC) ^(b)	mg/L	TCVN 6634:2000	13,2	≤ 6

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
3. Giới hạn: Giá trị giới hạn tối đa ảnh hưởng tới sức khỏe con người; Giá trị chất lượng nước áp dụng theo mức B
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường;
9. Tổng DDT: bao gồm 4,4'-DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), 4,4'-DDE ($C_{14}H_8Cl_4$) và 4,4'-DDD ($C_{14}H_{10}Cl_4$).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08234/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3084.NM2
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT**
ĐẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ
Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu : Nước mặt
Vị trí lấy mẫu : 25.3084.NM2: Nước sông Thị Vải cách điểm xả 100m về phía hạ lưu sông Thị Vải (Sông Thị Vải)
Ngày lấy mẫu : 30/08/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				25.3084.NM2	Giới hạn
1	BOD ₅ ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	17	≤ 6
2	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220B:2023	38	≤ 15
3	Ôxy hòa tan (DO) ^(b)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,8	≥ 5,0
4	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,49	6 ÷ 8,5
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	41	≤ 100
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,070	0,3
7	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,61	1
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2023	0,172	0,05
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,66	-
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,030	-
11	Xyanua ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
12	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
13	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	11.222	250
14	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,005
15	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,02



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				25.3084.NM2	Giới hạn
16	Crom VI (Cr^{6+}) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	0,01
17	Tổng Crom (Cr) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,05
18	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
19	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,042	0,5
20	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,1
21	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
22	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,001
23	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,052	0,5
24	Chất hoạt động bề mặt anion ^(b)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	KPH (LOD=0,02)	0,1
25	Aldrin ^(b)	µg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	0,1
26	Dieldrin ^(b)	µg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	0,1
27	Tổng DDTs (1,1'- (2,2,2- Trichloroethane-1,1- diyl) bis (4- chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$) ^(b)	µg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	1,0
28	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ^(b)	µg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	0,2
29	(γ-HCH) (Lindan) (Benzene hexachloride) ^(b)	µg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,006)	0,02
30	Tổng Phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,001)	0,005
31	Tổng cacbon hữu cơ (TOC) ^(b)	mg/L	TCVN 6634:2000	10,1	≤ 6
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,01)	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(b)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,03)	1





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				25.3084.NM2	Giới hạn
34	Coliform ^(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2023	78	≤ 5.000
35	E.coli ^(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=2)	20
36	Tổng dầu mỡ ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	5

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- Giới hạn: Giá trị giới hạn tối đa ảnh hưởng tới sức khỏe con người; Giá trị chất lượng nước áp dụng theo mức B
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường;
- Tổng DDT: bao gồm 4,4'-DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), 4,4'-DDE ($C_{14}H_8Cl_4$) và 4,4'-DDD ($C_{14}H_{10}Cl_4$).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiễn





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08235/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3084.NM3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ

Ngày lấy mẫu : 30/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Nước mặt

Vị trí lấy mẫu : 25.3084.NM3: Nước sông làm mát dầu vào

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				25.3084.NM3	Giới hạn
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	30,4	-
2	BOD ₅ ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	23	≤ 6
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,26	6 ÷ 8,5
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220B:2023	51	≤ 15
5	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=5)	-
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	30	≤ 100
7	Clo dư ^(c)	mg /L	TCVN 6225-2:2021	KPH (LOD=0,03)	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	KPH (LOD=0,020)	0,3
9	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,94	1
10	Tổng Nito ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023	1,15	≤ 1,5
11	Tổng P ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,02	≤ 0,3
12	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
13	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,005
14	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,02
15	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (LOD=0,004)	-
16	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,006	0,01
17	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				25.3084.NM3	Giới hạn
18	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,032	0,5
19	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,1
20	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,1
21	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,001
22	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,094	0,5
23	Tổng Phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,001)	0,005
24	Coliform ^(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2023	170	≤ 5.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- Giới hạn: Giá trị giới hạn tối đa ảnh hưởng tới sức khỏe con người; Giá trị chất lượng nước áp dụng theo mức B
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiễn



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08236/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3084.NM3
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ**

Ngày lấy mẫu : 30/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Nước mặt

Vị trí lấy mẫu : 25.3084.NM3: Nước sông làm mát dầu vào

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.3084.NM3
1	Dầu mỡ khoáng ^(c)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)
2	Crom III ^(c)	mg /L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,004)

Ghi chú:

1. (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, kết quả chỉ có giá trị tham khảo;
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08192/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3070.KT1
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ** Ngày lấy mẫu : 29/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.3070.KT1**: Tháp tạo hạt (Chiều cao: 96,65 mét; đường kính trong 26m)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.3070.KT1
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	59
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	26,4
3	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	17,05
4	Fomaldehyt ^(b)	mg/Nm ³	US EPA (SW-846) 0011	KPH (LOD=0,15)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08193/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3070.KT2
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ**

Ngày lấy mẫu : 29/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.3070.KT2**: Ống khói 20SK2201(KT-05)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.3070.KT2
1	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	7,2
2	Fomaldehyt ^(b)	mg/Nm ³	US EPA (SW-846) 0011	KPH (LOD=0,15)
3	Metanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 3 do VIMCERTS 064 thực hiện;
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
6. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
7. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08194/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3070.KT3
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ**

Ngày lấy mẫu : 29/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.3070.KT3**: Ống khói 10SK8001 (KT-01)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.3070.KT3
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	190
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	17,1
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	144,7
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08195/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3070.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ
Ngày lấy mẫu : 29/08/2025
Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.3070.KT4: Ống khói 10SK9001 (KT-02)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.3070.KT4
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	253
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	13,6
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	22,1
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	41

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

ThS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 07959/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2980.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ

Ngày lấy mẫu : 25/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.2980.KT1: Ống khói lò hơi 80PK4003/SK1 (KT-06)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.2980.KT1
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	120
2	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	2.488
3	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	22,6
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)
5	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	75,4
6	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 07960/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2980.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ

Ngày lấy mẫu : 25/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.2980.KT2: Ống khói 70SK2001 (KT-07)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.2980.KT2
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	42
2	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	269.747
3	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	20,8
4	Áp suất ^(b)	kPa	QTKT.01/LAET	100,973
5	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)
6	Tổng florua (F-) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 13A	KPH (LOD=0,15)
7	H ₂ SO ₄ ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 08	KPH (LOD=2)
8	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)
9	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	27,4

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 07961/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2980.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ

Ngày lấy mẫu : 25/08/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 25.2980.NT1: Nước thải công nghiệp sau xử lý của Xưởng
NPK (Cụm ETP)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.2980.NT1
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	31,4
2	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	QTN.03/LAET	0,24
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	8,3
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	9
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	24
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	14
7	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)
8	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,05)
9	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)
10	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)
11	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (LOD=0,5)
12	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (LOD=1)
13	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,65
14	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (LOD=0,03)





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.2980.NT1
15	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	260

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 09226/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3569.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CTCP NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ Ngày lấy mẫu : 25/09/2025

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.3569.KT1: KT-04: Tháp tạo hạt (Chiều cao: 96,65 mét; đường kính trong: 26 mét)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.3569.KT1
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	64
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	24,1
3	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	18,4
4	Fomaldehyt ^(b)	mg/Nm ³	US EPA (SW-846) 0011	KPH (LOD=0,15)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền